

**CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN
VĨNH SƠN - SÔNG HINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 865 /2012/CV-VSH-TCKT
V/việc: Giải trình về Báo cáo tài chính
hợp nhất Quý II/2012

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 8 năm 2012

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

Kính gửi:

ĐẾN

Số: 2985

Già Ngày 28 tháng 8 năm 12

- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh;
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Thực hiện theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán, Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh (VSH) đã nộp Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2012.

Tuy nhiên, trong quá trình kiểm soát và xử lý số liệu của phần mềm kế toán bị lỗi dẫn đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu B 03-DN) của Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2 có sự sai lệch. Vậy nay Công ty VSH nộp lại mẫu báo cáo trên để việc công bố thông tin được chính xác, minh bạch.

Trân trọng sự hợp tác của Quý cấp.

Nơi nhận: - Như trên;
- Lưu: TH; TCKT

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch



Nguyễn Văn Thanh

C.TY CP TD VINH SƠN - SÔNG HINH

Mẫu số B 03-DN

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾ TOÁN SXKD & XD CB
SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN
TP. HỒ CHÍ MINH

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC, sửa đổi
bổ sung theo TT 244/2009/TT-BTC ngày
31/12/2009 của Bộ trưởng BTC

ĐẾN
Số.....
Ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	LƯY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I- Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	2	3	4	5
1. Lợi nhuận trước thuế	01		153.930.127.152	226.968.830.650
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		48.265.810.113	58.108.636.448
- Các khoản dự phòng	03		(9.602.264.000)	6.289.211.400
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(10.733.669.607)	5.778.067.761
- Chi phí lãi vay	06		2.513.960.528	22.252.113.117
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		184.373.964.186	319.386.859.376
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(244.268.998.638)	(165.716.867.664)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(2.008.764.564)	2.943.613.992
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(113.693.487.396)	(3.347.496.743)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12			36.120.091
- Tiền lãi vay đã trả	13		(964.409.478)	(1.049.897.995)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.000.000.000)	(22.260.668.235)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		574.697.215.380	(180.714.254.499)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		396.135.519.490	(50.712.591.727)



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	LƯY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I	2	3	4	5
II- Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21	6,7,8,11	(146 517 389 401)	(1 741 239 549)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lại cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		32 021 913 094	31 362 193 603
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(114 495 476 307)	29 620 954 054
III- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	21		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	21		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		124 045 729 564	18 317 015 252
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(461 247 263 550)	(11 255 191 757)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21	(390 000 000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(337 591 533 986)	7 061 823 495
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(55 951 490 803)	(14 029 814 178)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		482 797 391 011	677 417 788 920
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	29	426 845 900 208	669 381 149 109

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lập ngày .../.../... tháng .../... năm .../...

GIÁM ĐỐC



Qu.

Đoàn Nhung

B03_DN - Lưu chuyển tiền tệ theo quy định 15

Nguyễn Đình Hà